

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

CÁC DÂN TỘC THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔN-KHƠ-ME Ở VIỆT NAM

1. Mã học phần: ANT 3011

1. Số tín chỉ: 3

2. Học phần tiên quyết (nếu có): Nhân học đại cương (ANT1100)

3. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên:

Giảng viên 1:

Họ và tên: Phạm Văn Lợi

Chức danh: Phó giáo sư

Học vị: Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Trường Giang

Chức danh: Phó giáo sư

Học vị: Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Khoa Nhân học, Đại học KHXH và NV

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết về các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ me ở Việt Nam, từ điều kiện tự nhiên nơi cư trú, các hoạt động kinh tế, đến các thành tố văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội, cùng một số vấn đề đang đặt ra đối với các tộc người này trong thời điểm hiện nay. Qua đó, định hướng và hỗ trợ sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào thực hành nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn, các vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của các tộc người Môn - Khơ me ở Việt Nam; định hướng và hỗ trợ sinh viên phân tích chỉ ra một số vấn đề cơ bản về con người, văn hóa của các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me ở Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới, từ góc nhìn Nhân học.

7. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes = CLO).

Về kiến thức:

CLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản, cần thiết về các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ me ở Việt Nam, từ điều kiện tự nhiên nơi cư trú, các hoạt động kinh tế, đến các thành tố văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội, cùng một số vấn đề đang đặt ra đối với các tộc người này trong thời điểm hiện nay;

CLO2: Vận dụng các kiến thức đã học vào thực hành nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn, các vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của các tộc người Môn - Khơ me ở Việt Nam;

CLO3: Phân tích một số vấn đề cơ bản về con người, văn hóa của các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me ở Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới, từ góc nhìn Nhân học.

Về kỹ năng:

CLO4: Có kỹ năng tư duy logic, tư duy hệ thống, tư duy so sánh, tư duy phản biện,... trong nghiên cứu, giải quyết một số vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội,... của các tộc người Môn - Khơ me ở Việt Nam, trên góc độ Nhân học.

Về thái độ:

CLO5: Có phẩm chất của một nhà nhân học chuyên nghiệp;

CLO6: Ý thức được tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu nhân học; ý thức tuân thủ luật pháp, biết sống và làm việc vì cộng đồng, xã hội và đất nước; biết thích nghi và ứng xử phù hợp với các bối cảnh văn hóa và xã hội cụ thể.

8. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra

Ký hiệu	CDR của học phần	CDR của CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO 1	Hiểu được những kiến thức cơ bản, cần thiết về các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ me ở Việt Nam, từ điều kiện tự nhiên nơi cư trú, các hoạt động kinh tế, đến các thành tố văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội, cùng một số vấn đề đang đặt ra đối với các tộc người này trong thời điểm hiện nay;	PLO 12 PLO 13 PLO 14
CLO 2	Vận dụng các kiến thức đã học vào thực hành nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn, các vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của các tộc người Môn - Khơ me ở Việt Nam;	

CLO 3	Phân tích một số vấn đề cơ bản về con người, văn hóa của các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me ở Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới, từ góc nhìn Nhân học.	
Kỹ năng		PLO15, PLO16
CLO 4	Có kỹ năng tư duy logic, tư duy hệ thống, tư duy so sánh, tư duy phản biện,... trong nghiên cứu, giải quyết một số vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội,... của các tộc người Môn - Khơ me ở Việt Nam, trên góc độ Nhân học.	PLO17, PLO18 PLO19, PLO20 PLO21
Thái độ		PLO22, PLO23,
CLO 5	Có phẩm chất của nhà Nhân học chuyên nghiệp;	PLO24
CLO 6	Ý thức được tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu Nhân học; ý thức tuân thủ luật pháp, biết sống và làm việc vì cộng đồng, xã hội và đất nước; biết thích nghi và ứng xử phù hợp với các bối cảnh văn hóa và xã hội cụ thể.	

9. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần

Tuần	Nội dung chính	Tài liệu chính cần đọc	Ghi chú
Tuần 1	<i>Bài 1:</i> Giới thiệu chung	Học liệu 1&2, phần Giới thiệu chung	
Tuần 2	<i>Bài 1:</i> Tham quan, học tập tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	HLBB 1&2, Danh mục thành phần dân tộc ở Việt Nam	
Tuần 3	<i>Bài 2:</i> Giới thiệu chung về các dân tộc Tày-Thái ở Việt Nam	HLBB 1&2, phần về các dân tộc Môn - Khơ me	
Tuần 4	<i>Bài 3:</i> Điều kiện tự nhiên khu vực cư trú của các dân tộc Tày - Thái	HLBB 3, phần viết về vùng Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam và Đồng bằng sông Cửu Long	
Tuần 5	<i>Bài 4:</i> Các hoạt động kinh tế của các dân tộc Tày-Thái ở Việt Nam	HLBB 1&2, phần viết về Các hoạt động kinh tế, các dân tộc Môn - Khơ me;	

Tuần 6	<i>Bài 4 (tiếp):</i> Các hoạt động kinh tế của các dân tộc Tày-Thái ở Việt Nam	HLBB 1&2, phần viết về Các hoạt động kinh tế, các dân tộc Môn - Kơ me;	
Tuần 7	Tổ chức thuyết trình (thảo luận) lấy điểm giữa kỳ	Từng nhóm đọc tài liệu theo chủ đề thuyết trình;	
Tuần 8	<i>Bài 5:</i> Các dạng thức văn hóa vật chất (văn hóa bảo đảm đời sống)	HLBB 1&2, phần viết về Các dạng thức văn hóa vật chất, các dân tộc Môn – Kơ me;	
Tuần 9	<i>Bài 5 (tiếp):</i> Các dạng thức văn hóa vật chất (văn hóa bảo đảm đời sống)	HLBB 1&2, phần viết Các dạng thức văn hóa vật chất, các dân tộc Môn – Kơ me;	
Tuần 10	<i>Bài 6:</i> Các dạng thức văn hóa tinh thần (Văn hóa nhận thức)	HLBB 1&2, phần viết về Các dạng thức văn hóa tinh thần, các dân tộc Môn – Kơ me;	
Tuần 11	<i>Bài 6 (tiếp):</i> Các dạng thức văn hóa tinh thần (Văn hóa nhận thức)	HLBB 1&2, phần viết Các dạng thức văn hóa tinh thần, các dân tộc Môn – Kơ me;	
Tuần 12	<i>Bài 7:</i> Các dạng thức văn hóa xã hội (văn hóa chuẩn mực xã hội)	HLBB 1&2, phần viết Các dạng thức văn hóa xã hội, các dân tộc Môn – Kơ me;	
Tuần 13	<i>Bài 7 (tiếp):</i> Các dạng thức văn hóa xã hội (văn hóa chuẩn mực xã hội)	HLBB 1&2, phần viết Các dạng thức văn hóa xã hội, các dân tộc Môn – Kơ me;	
Tuần 14	<i>Bài 8:</i> Các tộc người Môn – Kơ me trong quá trình phát triển và hội nhập;	HLBB 2, phần viết Đời sống các dân tộc ít người và quan hệ giữa các dân tộc trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội;	Tr. 569 -600
Tuần 15	Ôn tập làm bài thi cuối kỳ	Theo nội dung ôn thi hoặc chủ đề/ đề tài tiểu luận lựa chọn	

10. Các yêu cầu đối với học phần

- Sinh viên cần đọc, nghiên cứu tài liệu bắt buộc, hoàn thành tất cả các bài tập cá nhân (sau khi tham quan, học tập tại Bảo tàng) và bài tập nhóm (bài thuyết trình lấy điểm giữa kỳ).
- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên;
- Sinh viên phải sử dụng website học phần, tham gia làm và nộp bài tập; tham gia viết đầy đủ 6 bài thảo luận trên website học phần.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập, bao gồm sách (Học liệu), vở, bút, máy tính hoặc điện thoại có kết nối mạng;

11. Phương pháp dạy - học

- *Với giờ giảng dạy lý thuyết:* Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình trình bày các nội dung của từng tiết, từng bài; phương pháp giải thích để giải thích các khái niệm, lấy ví dụ thực tế để sinh viên có thể hiểu được các khái niệm đó; phương pháp gợi mở - vấn đáp và phương pháp thảo luận trên lớp: nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên tìm câu trả lời, trả lời các câu hỏi của sinh viên và tóm tắt lại bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép và được khuyến khích nêu các câu hỏi, giải quyết các câu hỏi.
- *Với giờ thảo luận:* Giảng viên sử dụng phương pháp thảo luận trên lớp; giảng viên và sinh viên đều có thể nêu câu hỏi/ đặt vấn đề; Sinh viên thảo luận hoặc chia nhóm thảo luận, trình bày quan điểm cá nhân, hoặc nhóm sinh viên trình bày ý kiến của mình, cả lớp phân tích, góp ý; Giảng viên chốt lại các vấn đề;
- *Với giờ tham quan học tập tại Bảo tàng:* Giảng viên sử dụng phương pháp trực quan, định hướng cho sinh viên tham quan, học tập qua các không gian trình bày của Bảo tàng; Sinh viên tham gia đầy đủ, đúng giờ, tích cực quan sát, ghi chép, chụp ảnh, quay video,... và hoàn thành bài thu hoạch theo yêu cầu của giảng viên.
- *Ngoài giờ giảng dạy – học tập trên lớp:* Giảng viên chuẩn bị bài giảng; chuẩn bị tài liệu và các phương tiện phục vụ bài giảng; Sinh viên tăng cường rèn luyện kỹ năng tự học thông qua khả năng tự nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo.

12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:

- + ***Kiểm tra - đánh giá thường xuyên***
- Chuyên cần
- 1 bài tập thu hoạch từ chuyến tham quan, học tập tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam; 6 bài thảo luận trên website học phần;
- Trọng số điểm thành phần: 10% tổng điểm Học phần

+ **Kiểm tra-đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ**

- Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ (hình thức đánh giá): được đánh giá bằng việc tổ chức thuyết trình theo nhóm, mỗi nhóm trình bày về một vấn đề liên quan đến các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me ở Việt Nam.

Trọng số điểm giữa kỳ: bằng 30% tổng điểm học phần

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ (nêu rõ hình thức thi): được đánh giá bằng bài thi viết kiểm tra kiến thức của học phần trong học kỳ hoặc viết bài tiểu luận với chủ đề/đề tài tự chọn liên quan đến các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me ở Việt Nam.

Trọng số điểm cuối kỳ: bằng 60% tổng điểm học phần.

13. Học liệu:

Học liệu bắt buộc:

1. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* (tái bản có bổ sung sửa chữa), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.
2. Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)* (tái bản có bổ sung sửa chữa), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.
3. Lê Bá Thảo. *Thiên nhiên Việt Nam* (In lần thứ hai, có sửa chữa và bổ sung), Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 1990.
4. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ở Việt Nam*, tập 3, quyển 1 & 2, “Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2016.

Học liệu tham khảo

1. Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, Thanh Thiên. *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1972.
2. Nguyễn Quốc Lộc (chủ biên). *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, Nxb Thuận Hóa, Huế 1984.
3. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên). *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1985 (Đọc phần viết về các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me).
4. Bé Viết Đăng (chủ biên). *Đại cương các dân tộc Ê đê, Mnông ở tỉnh Đắk Lắk*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1984 (Đọc phần viết về dân tộc Mnông).

5. Mạc Đường (chủ biên) *Các dân tộc tỉnh Lâm Đồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1985 (Đọc phần viết về các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me).
6. Mạc Đường (chủ biên). *Vấn đề dân tộc ở Sông Bé*, Nxb Tổng hợp Sông Bé 1985 (Đọc phần viết về các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me).

14. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên; về sự biến đổi và phát triển văn hoá các dân tộc Môn – Khơ me ở Việt Nam, từ các hoạt động kinh tế, đến các thành tố văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội, cùng một số vấn đề đang đặt ra đối với các tộc người này trong thời điểm hiện nay. Qua đó, định hướng và hỗ trợ sinh viên tiếp cận với những kiến thức cơ bản về lí thuyết, cách áp dụng phương pháp điền dã Dân tộc học trong nghiên cứu văn hóa các tộc người Môn – Khơ me ở Việt Nam.

15. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1: Giới thiệu chung về Học phần

- 1.1. Giới thiệu giảng viên
- 1.2. Giới thiệu về học phần
- 1.3. Phương pháp giảng dạy/ làm việc
- 1.4. Học viên tự giới thiệu/ đưa ý kiến
- 3.1. Tổ chức tham quan học tập về các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me ở Việt Nam tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Bài 2. Giới thiệu chung về các tộc người Môn–Khơ me ở Việt Nam

- 2.1.Đôi nét về các ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ ở Việt Nam
- 2.2.Nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me, ngữ hệ Nam Á ở Việt Nam và Đông Nam Á
- 2.3.Các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me ở Việt Nam: Lịch sử và hiện tại
- 2.4.Vị trí của việc nghiên cứu các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me ở Việt Nam
- 2.5.Lịch sử và kết quả nghiên cứu các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me ở Việt Nam
- 2.1. Những vấn đề khoa học và thực tiễn đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu về các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me ở Việt Nam

Bài 3. Điều kiện tự nhiên khu vực cư trú của các tộc người Môn – Khơ me ở Việt Nam

- 3.1.Một số vấn đề chung

- 3.2.Điều kiện tự nhiên khu vực Tây Bắc Bắc Bộ
- 3.3.Điều kiện tự nhiên khu vực Trường Sơn Bắc
- 3.4.Điều kiện tự nhiên khu vực Trường Sơn Nam (Tây Nguyên)
- 3.5.Điều kiện tự nhiên khu vực Tây Nam Bộ

Bài 4. Hoạt động kinh tế của các tộc người Môn – Khơ me ở Việt Nam

- a. Trồng trọt
- b. Chăn nuôi
- c. Nghề thủ công gia đình
- d. Các hình thức buôn bán, trao đổi hàng hóa
- e. Các hoạt động khai thác tự nhiên
- f. Đời sống kinh tế và mức sống của cư dân

Bài 5. Các dạng thức văn hóa vật chất của các tộc người Môn – Khơ me ở Việt Nam

- 5.1.Văn hóa ẩm thực (ăn, uống, hút)
- 5.2.Văn hóa mặc (Trang phục hay y phục và trang sức)
- 5.3.Văn hóa ở (Nhà và các loại hình nhà)
- 5.4.Văn hóa đi lại và vận chuyển (Phương tiện đi lại và vận chuyển)

Bài 6. Các dạng thức văn hóa xã hội của các tộc người Môn – Khơ me ở Việt Nam

- 6.1.Làng và tổ chức trên làng
- 6.2.Gia đình, dòng họ
- 6.3.Chế độ sở hữu
- 6.4.Tình hình phân hóa xã hội
- 6.5.Thiết chế tự quản
- 6.6.Luật tục và cách thức điều hành các quan hệ xã hội

Bài 7. Các dạng thức văn hóa tinh thần của các tộc người Môn – Khơ me ở Việt Nam

- g.* Phong tục, tập quán;
- h.* Tôn giáo, tín ngưỡng;
- i.* Lễ hội;
- j.* Ngôn ngữ, chữ viết
- k.* Văn học truyền miệng và văn học viết;
- l.* Nghệ thuật tạo hình và diễn xướng dân gian

Bài 8. Các tộc người Môn – Khơ me ở Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển

- 8.1. Tiền đề của quá trình phát triển và hội nhập
- 8.2. Quá trình hội nhập và phát triển
- 8.3. Một số vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển và hội nhập.